

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LAI CHÂU**
Bản án số: 54/2025/HS-ST
Ngày 25-09-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đồng Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Thanh Xá; Ông Nguyễn Xuân Định

- Thư ký phiên toà: Bà Mào Thị Chiến - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 09 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2025/TLST-HS ngày 15 tháng 09 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2025/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 09 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lù Văn K**, sinh ngày 15/11/1997 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản P, xã B, huyện M, tỉnh Lai Châu (nay là bản Phiêng kham, xã B, tỉnh Lai Châu); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lù Văn P, sinh năm 1961 và con bà Mào Thị H (đã chết); Có vợ: Chảo Pham K1, sinh năm 1997 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án: Có 01 tiền án. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2023/HSST, ngày 04/07/2023, Lù Văn K bị Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo 24 tháng tù. Đến ngày 01/01/2025 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Như vậy, tính đến thời điểm phạm tội mới là ngày 23/4/2025, bị cáo chưa được xóa án tích.

Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/04/2025 cho đến ngày 26/04/2025 thì bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Mường Tè thuộc Trại giam Công an tỉnh L. (Có mặt).

2. Họ và tên: **Chim Văn P1**, sinh ngày 07/08/1971, tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản P, xã B, huyện M, tỉnh Lai Châu (nay là bản Phiêng kham, xã B, tỉnh Lai Châu); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chim Văn S (đã chết) và con bà Lù Thị K2 (đã chết); Có vợ: Lù Thị N, sinh năm 1973 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1996.

Tiền án: Có 01 tiền án. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HSST,

ngày 04/01/2024, Chim Văn P1 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù. Đến ngày 22/10/2024 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Tính đến thời điểm phạm tội mới là ngày 23/4/2025, bị cáo chưa được xóa án tích.

Tiền sự: không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2002/HSST, ngày 03/12/2002, Chim Văn P1 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo 02 năm tù. Hiện bị cáo đã chấp hành xong, do đó bị cáo đã được xóa án tích. Năm 2017, Chim Văn P1 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Tè ra quyết định số 40/2017/QĐ-TA ngày 13/7/2017 quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 01 năm. Bị can đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/04/2025 cho đến ngày 26/04/2025 thì bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Mường Tè thuộc Trại giam Công an tỉnh L. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Lò Thị Ú, sinh năm 1991; trú tại: Bản P, xã B, tỉnh Lai Châu.

Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 23/04/2025, Lò Văn K, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 25P1-050.25 (xe thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị gái K là chị Lò Thị Ú, sinh năm 1991) và số tiền 50.000 đồng từ nhà tại bản P, xã B, tỉnh Lai Châu đi lên bản Pa Mu, xã H, tỉnh Lai Châu mục đích để tìm mua Heroine về sử dụng. Khi đi được một đoạn, K gặp Chim Văn P1, sinh năm 1971, trú cùng bản xin đi nhờ lên bản Pa Mu thì được K đồng ý (quá trình điều khiển xe P1 và K không bàn bạc với nhau về việc tìm mua ma túy). Khi đến đầu bản Pa Mu, K dừng xe mô tô lại ven đường quốc lộ 4H, rồi đi bộ xuống nhà Giàng A H1, trú tại bản Pa Mu, xã H. Khi K đến cửa nhà H1 thì gặp một người phụ nữ lạ mặt, K hỏi mua Heroine với người phụ nữ và đưa cho người phụ nữ 50.000 đồng. Người phụ nữ đồng ý, cầm tiền đi vào trong nhà và bảo K ra ngoài hiện nhà đợi. Còn P1 cũng đi bộ đến nhà Giàng A H1 để tìm mua H2 để sử dụng thì gặp H1 đang giặt quần áo ở khu vực gần bếp. Gặp nhau, qua trao đổi, P1 đưa cho H1 50.000 đồng để mua Heroine thì được H1 đồng ý. H1 đi vào trong nhà còn P1 đi ra ngoài sân thì gặp K (quá trình hỏi mua Heroine giữa P1 và K thì cả hai đều không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của nhau). Khoảng 15 phút sau thì H1 cầm ra 02 gói Heroine đều được gói bằng mảnh nilon màu hồng rồi đưa cho P1 và K mỗi người 01 gói. Sau khi nhận được Heroine K3 và P1 đều cầm bên tay phải đi lên chỗ để xe để về nhà. Đến hồi 12 giờ 10 phút cùng ngày, khi K3 và P1 đi đến chỗ để xe mô tô tại km 297, quốc lộ D, thuộc địa phận bản Pa Mu, xã H, tỉnh Lai Châu để chuẩn bị về nhà thì gặp tổ công tác

Công an xã H phối hợp với tổ công tác số 1, tổ công tác số 2 thuộc Công an tỉnh L đang làm nhiệm vụ yêu cầu dừng lại để kiểm tra. Qua kiểm tra, tổ công tác phát hiện trong lòng bàn tay phải của Chim Văn P1 và Lù Văn K mỗi người có 01 gói Heroine đều được gói ngoài bằng mảnh nilon màu hồng. Tại đây, Chim Văn P1 và Lù Văn K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Trước sự việc trên, tổ công tác đã mời người chứng kiến, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng theo quy định.

Tại Bản Kết luận giám định số 336/KL-KTHS ngày 25/04/2025 của Phòng K4 Công an tỉnh L kết luận:

- 01 (một) mẫu chất bột, màu trắng (ký hiệu M1) thu giữ của Lù Văn K có khối lượng 0,21 gam (không thấy hai mươi một gam) là ma túy, loại: Heroine (Heroin) có tên khoa học là: *Diacetylmorphine*, được quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục ma túy và tiền chất.

- 01 (một) mẫu chất bột, màu trắng (ký hiệu M2) thu giữ của Chim Văn P1 có khối lượng 0,22 gam (không thấy hai mươi hai gam) là ma túy, loại: Heroine (Heroin) có tên khoa học là: *Diacetylmorphine*, được quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục ma túy và tiền chất.

Vật chứng của vụ án gồm: Thu giữ của Lù Văn K 01 gói Heroine được gói bằng mảnh nilon màu hồng, có tổng khối lượng 0,21 gam (đã gửi toàn bộ giám định, không hoàn lại mẫu vật giám định) và 01 xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA, loại EXCITER, biển kiểm soát 25P1-050.25. Thu giữ của Chim Văn P1 01 gói Heroine được gói bằng mảnh nilon màu hồng có khối lượng 0,22 gam (đã gửi toàn bộ giám định, không hoàn lại mẫu vật giám định).

Vật chứng đã được xử lý: Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô bị thu giữ là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Lù Thị Út. Việc K sử dụng chiếc xe mô tô này để làm phương tiện đi mua ma túy thì chị Ú không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội. Do đó, ngày 17/6/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại chiếc xe mô tô nêu trên cho chị Ú theo đúng quy định của pháp luật.

Vật chứng còn lại: Vỏ bì niêm phong ban đầu và 02 mảnh nilon màu hồng, hiện đang được niêm phong và bảo quản theo quy định của pháp luật.

Bản Cáo trạng số 48/CT-VKS-KV4 ngày 15/09/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - tỉnh Lai Châu truy tố các bị cáo Lù Văn K, Chim Văn P1 về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về Bản kết luận điều tra số 339/BKL-CSMT ngày 10/09/2025 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L và bản cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều khoản áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 38; điều 50; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lù

Văn K, Chim Văn P1. Xử phạt bị cáo Lù Văn K từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù; xử phạt bị cáo Chim Văn P1 từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn thi hành hình phạt tù của các bị cáo tính từ ngày 23/04/2025.

Không áp dụng các hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự và miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý theo quy định của pháp luật: Đối với vỏ bì niêm phong ban đầu và 02 mảnh nilon màu hồng, đây là vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tranh tụng tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử xét thấy hồ sơ đã có đầy đủ lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và lời khai không mâu thuẫn với bị cáo, nên việc vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết nội dung vụ án. Căn cứ vào Điều 292, Điểm d khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Lù Văn K, Chim Văn P1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với bản kết luận điều tra, bản cáo trạng đã truy tố và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, như vậy có đủ cơ sở khẳng định: Hồi 12 giờ 10 phút, ngày 23/04/2025, tại km 297 quốc lộ D thuộc địa phận bản P, xã H, tỉnh Lai Châu, Lù Văn K đang có hành vi tàng trữ trái phép 01 gói Heroine có khối lượng 0,21 gam Heroine với mục đích để sử dụng, Chim Văn P1 đang có hành vi tàng trữ trái phép 01 gói

Heroine có khối lượng 0,22 gam Heroien với mục đích để sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng.

Các bị cáo Lù Văn K, Chim Văn P1 đều là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi cố ý tàng trữ 0,21 gam Heroine của Lù Văn K và hành vi cố ý tàng trữ 0,22 gam của Chim Văn P1 để sử dụng, như vậy hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Lai Châu truy tố các bị cáo về tội danh, điều khoản áp dụng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vai trò đồng phạm:

Vụ án có tính chất nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý Nhà nước ta đối với các chất ma túy và làm ảnh hưởng tới trật tự, trị an, an toàn xã hội tại địa phương do đó cần thiết phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo Lù Văn K, Chim Văn P1 đều sinh sống tại huyện M, tỉnh Lai Châu (nay là xã B, tỉnh Lai Châu). Các bị cáo nghiện chất ma túy. Các bị cáo đã không tu dưỡng, rèn luyện bản thân, chịu khó làm ăn, lao động sản xuất mà mắc vào tệ nạn xã hội, nghiện chất ma túy. Các bị cáo Lù Văn K, Chim Văn P1 đều có tiền án, chưa được xóa án tích. Riêng bị cáo Chim Văn P1 có nhân thân xấu, năm 2002 bị xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” bị cáo đã được xóa án và năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Tè ra quyết áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Các bị cáo biết rõ các hành vi liên quan đến ma túy đều bị pháp luật nghiêm cấm nhưng để có ma túy sử dụng cho nhu cầu không chính đáng của bản thân, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội cho thấy thái độ coi thường pháp luật của các bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Lù Văn K, Chim Văn P1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; nhận thức pháp luật còn hạn chế, gia đình thuộc hộ nghèo, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lù Văn K, Chim Văn P1 đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 với tình tiết “ Tái phạm”

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện, hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo khó khăn, gia đình các bị cáo Lù Văn K, Chim Văn P1 thuộc diện hộ nghèo, bản thân các bị cáo nghề nghiệp tự do, thu nhập không ổn định; các bị cáo không đảm nhiệm chức vụ và không có tài sản gì đáng kể. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng các hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài

sản theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với vỏ bì niêm phong ban đầu và 02 mảnh nilon màu hồng. Cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn; gia đình các bị cáo thuộc diện hộ nghèo; tại phiên tòa các bị cáo xin miễn án phí. Do đó, Hội đồng xét xử miễn cho các bị cáo Lù Văn K, Chim Văn P1 mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Như vậy, căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, cần thiết phải có mức án tương xứng, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục cho các bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu về hình phạt chính, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[9] Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[10] Những vấn đề liên quan:

Theo lời khai của Chim Văn P1 và Lù Văn K: Nguồn gốc số ma túy P1 và K tàng trữ là do mua được của Giàng A H1, trú tại bản Pa Mu, xã H, tỉnh Lai Châu. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã xác định tại bản Pa Mu và chính quyền địa phương có 01 người đàn ông tên là Giàng A H1, sinh năm 1994. Hừ thường xuyên vắng mặt tại địa phương và H1 đã đi khỏi địa phương, gia đình và chính quyền không biết H1 đi đâu và làm gì. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã ra quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan đến Giàng A H1 để tiếp tục điều tra, xử lý.

Theo lời khai của Lù Văn K: Đối với người phụ nữ lạ mặt đã nhận tiền và bán ma túy cho K tại nhà của H1, tại bản P, xã H, tỉnh Lai Châu. Quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch. Ngoài lời khai của K, không còn chứng cứ gì khác nên chưa đủ căn cứ để xem xét xử lý đối với người phụ nữ về hành vi này. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh xử lý khi có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 4 Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội, Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm h, khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lù Văn K, Chim Văn P1;

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 6, khoản 1, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lù Văn K, Chim Văn P1 phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Lù Văn K 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Chim Văn P1 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù.

Thời hạn thi hành hình phạt tù của các bị cáo tính từ ngày 23/04/2025.

Không áp dụng các hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: vỏ bì niêm phong ban đầu và 02 mảnh nilon màu hồng.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 22 tháng 9 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Lai Châu).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp trên. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- THADS tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 4 - Lai Châu;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Lai Châu PV 06;
- Phòng THADS khu vực 4 - Lai Châu;
- Cơ quan CSĐT Công xã Bum Tở;
- CQCSĐT Công an tỉnh Lai Châu;
- CQTHAHS Công an tỉnh Lai Châu;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đồng Văn Dũng

